

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH HÀ  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HS-ST  
Ngày: 27-4-2022.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hoài

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Công Nhận

2. Bà Phạm Thị Hoan

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Luyện – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2022/TLST-HS ngày 01/4/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xét số 29/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2022, đối với các bị cáo:

**1- Nguyễn Danh H**, sinh năm 1990, tại xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12 ; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Danh Q1 và bà Phạm Thị M; vợ là Nguyễn Thị Thu H1; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/01/2022 tại trại giam Công an tỉnh Hải Dương. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*)

**2- Lê Xuân L**, sinh năm 1992, tại xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân L1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L2; vợ là Lương Thị T1; tiền án, tiền sự: chưa; bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/01/2022 tại trại giam Công an tỉnh Hải Dương (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

**3- Nguyễn Viêt Q**, sinh năm 1985, tại xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú thôn L, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp:

lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Viết S và bà Nguyễn Thị L3; vợ là Tấn Thị N1; tiền sự: Chưa; tiền án: Bản án số 69/2019/HSST ngày 06/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, nộp án phí ngày 16/10/2019, chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/4/2020.

Nhân thân: Ngày 14/6/2003 Công an thành phố Hải Dương xử phạt vi phạm hành chính số 97/QĐ-PHC về hành vi trộm cắp tài sản, phạt tiền 50.000 đồng; nộp phạt ngày 14/6/2003.

Ngày 07/12/2006 Phòng cảnh sát điều tra về trật tự xã hội Công an tỉnh Hải Dương xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPVPHC về hành vi mua dâm; chưa nộp phạt.

Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 3737/QĐ-UBND ngày 27/7/2015 của Chủ tịch ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện Thanh Hà, đã chấp hành xong ngày 14/6/2017.

Ngày 10/7/2018, Công an huyện Thanh Hà xử phạt vi phạm hành chính số 81/QĐ-XPVPHC, về hành vi trộm cắp tài sản; nộp tiền phạt ngày 11/7/2018.

Bản án số 33/2003/HSST ngày 29/10/2003 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; đã chấp hành xong hình phạt và án phí.

Bản án số 08/2004/HSST ngày 18/3/2004 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt của 02 bản án, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 21 tháng tù, đã chấp hành xong hình phạt và án phí.

Bản án số 10/2004/HSST ngày 24/3/2004 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; nộp án phí ngày 31/10/2006. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/7/2006.

Bản án số 33/2007/HSST ngày 18/9/2007 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xử phạt 12 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, nộp án phí ngày 27/3/2008; chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/6/2008.

Bản án số 54/2009/HSST ngày 18/3/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, xử phạt 48 tháng tù về tội Cướp giật tài sản; nộp án phí ngày 05/8/2009; chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/11/2012.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/01/2022 tại trại giam Công an tỉnh Hải Dương. *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*

**4. Phạm Văn T**, sinh năm 1971; tại xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn K (đã chết) và bà Lê Thị L4 (đã

chết); vợ là Lê Thị M1, tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*

\* **Bị hại:** Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1982. Cư trú tại: Thôn X, xã K, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. *(Có đơn đề nghị xử vắng mặt)*

\* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Quang Đ, sinh năm 1979; cư trú tại: thôn V, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. *(Có đơn đề nghị xử vắng mặt)*

\* **Người làm chứng:** Ông Nguyễn Văn H1; anh Phạm Đình Đ1; anh Nguyễn Hữu N2; anh Phạm Khắc D; chị Tẩn Thị N1; anh Chu Văn C; chị Nguyễn Thị N2 *(Đều vắng mặt tại phiên tòa)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 14/01/2022, Nguyễn Danh H ở thôn L, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát hiện thấy có 01 con bê màu lông vàng hổ vằn đang buộc ở gốc cây nhãn sau nhà hàng Vạn Xuân của anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1982 ; cư trú tại thôn X, xã K, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu sài. Khoảng 20 giờ cùng ngày, H gặp Phạm Văn T, Lê Xuân L, Nguyễn Viết Q tại vườn nhà T, tại đây H đề xuất việc trộm cắp con bê. T, L, Q đồng ý. Khoảng 02 giờ ngày 15/01/2022, L điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đen, biển số 98Y5-45xx (xe Q mượn của anh Phạm Khắc D, sinh năm 1985 ở A1, Thanh Hà) chở H đến trước cửa quán Vạn Xuân, thuộc địa phận thôn X, xã K, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Lợi dụng đêm tối không có người trông giữ, H đi bộ vào vị trí buộc con bê và tháo dây buộc, dắt con bê đi vòng ra lối sau vườn vãi sát cạnh quán, đi qua cánh đồng xã A1. L điều khiển xe máy đến khu vực cánh đồng xã A1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương để đón H, H ngồi phía sau xe và dắt con bê về vườn nhà T. Khoảng 08 giờ cùng ngày, T đem bán con bê cho anh Nguyễn Quang Đ, sinh năm 1979 ở thôn V, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương được số tiền 8.800.000 đồng, Q chia cho H 3.000.000 đồng; L 1.500.000 đồng; T 1.300.000 đồng; Q 3.000.000 đồng. Cùng ngày anh N phát hiện tài sản là con bê bị mất đã có đơn trình báo Công an. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 con bê có đặc điểm nêu trên; 03 điện thoại của H, L, Q; 01 xe máy Honda biển số nêu trên; L tự nguyện giao nộp số tiền 1.000.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐGTS ngày 17/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thanh Hà kết luận: 01 con bê giới tính đực, màu lông vàng hổ vằn, trọng lượng 160kg trị giá 90.000 đồng/01kg = 14.400.000 đồng (Mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng);

Bản cáo trạng số 18/CT-VKSHD-TH ngày 31/3/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Danh H, Lê Xuân L, Nguyễn Viết Q, Phạm Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Danh H; Lê Xuân L; Nguyễn Viết Q; Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự (viết tắt BLHS) đối với các bị cáo L, T; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo Q; khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo L, Q; Điều 38 BLHS đối với các bị cáo H, L, Q; Điều 65 BLHS đối với bị cáo T; Các Điều 357; 468; 580; 582; 583 của Bộ luật dân sự; Luật án phí, lệ phí Tòa án; nghị quyết 326/QH. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Danh H từ 15 đến 18 tháng tù; Lê Xuân L từ 13 đến 15 tháng tù; Nguyễn Viết Q từ 18 đến 21 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 18/01/2022; bị cáo Phạm Văn T từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Trách nhiệm dân sự: Không giải quyết.

- Nghĩa vụ hoàn trả: Anh Đ yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 8.800.000 đồng. Buộc các bị cáo phải hoàn trả anh Đ số tiền tương ứng số tiền các bị cáo đã được nhận.

- Vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu oppo A33fw; 01 điện thoại oppo Reno 4 là của các bị cáo H, L; trả lại số tiền 1.000.000 đồng do bị cáo L tự nguyện giao nộp cho anh Đ.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Hà, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại và tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

*Khoảng 02 giờ ngày 15/01/2022, tại vị trí gốc cây nhãn nhà hàng Vạn Xuân; địa chỉ: Thôn X, xã K, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, lợi dụng đêm tối, không có người trông giữ. Các bị cáo Nguyễn Danh H, Lê Xuân L; Nguyễn Viết Q; Phạm Văn T đã lén lút trộm cắp 01 con bê, màu lông vàng hổ vằn trọng lượng 160kg của anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1982; cư trú tại thôn X, xã K, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, trị giá 14.400.000<sup>d</sup>(Mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).*

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ. Vì tham lam tư lợi các bị cáo đã thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Đánh giá vai trò của từng bị cáo như sau:

Bị cáo H là người đề xuất và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, được hưởng lợi số tiền 3.000.000 đồng giữ vai trò thứ nhất; các bị cáo L, Q, T tiếp nhận ý chí tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức. Trong đó bị cáo L giúp sức tích cực hơn, đã sử dụng xe máy (*do Q mượn của anh Phạm Khắc D*) làm phương tiện chở H đến địa điểm trộm cắp và chở về địa điểm tiêu thụ, được hưởng lợi số tiền 1.500.000 đồng nên bị cáo L giữ vai trò thứ hai; bị cáo Q là người chia tiền, được hưởng số tiền 3.000.000 đồng nên giữ vai trò thứ ba; bị cáo T là người mang tài sản trộm cắp được đi tiêu thụ, được hưởng số tiền 1.300.000 đồng (ít nhất) nên giữ vai trò cuối.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

- Tình tiết tăng nặng:

Các bị cáo Nguyễn Danh H; Lê Xuân L; Phạm Văn T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

Bị cáo Nguyễn Viết Q, mặc dù chưa chấp hành khoản tiền bồi thường của một số bản án và quyết định xử phạt vi phạm hành chính (đã nêu tại phần lý lịch, căn cước). Cơ quan điều tra đã xác minh, đến nay đã hết thời hiệu làm đơn yêu cầu và thời hiệu thi hành án; mặt khác bản án số 69/2019/HSST ngày 29/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương không xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm, do đó các bản án trên đã được xóa án tích. Đối

với quyết định hành chính số 01 ngày 07/12/2006 tuy bị cáo chưa nộp tiền phạt. Căn cứ Điều 74 Luật xử lý vi phạm hành chính đã hết thời hiệu thi hành. HĐXX xem xét, đánh giá về nhân thân của bị cáo. Vì bản án số 69/2019/HSST nêu trên chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo Q phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

- Tình tiết giảm nhẹ:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, các bị cáo H, L, Q, T đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo L, T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Trước khi xét xử bị cáo Q, tác động gia đình tự nguyện giao nộp số tiền 2.200.000 đồng trả cho anh Đ; bị cáo L đã tự nguyện giao nộp số tiền 1.000.000 đồng để khắc phục hậu quả nên 02 bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Cần quyết định mức án nghiêm đối với các bị cáo H, L, Q buộc các bị cáo cách ly xã hội để giáo dục, răn đe và phòng ngừa; bị cáo T nhất thời phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tham gia với vai trò đồng phạm giữ vị trí cuối, số tiền được hưởng lợi ít nhất; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không buộc bị cáo cách ly xã hội cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt biết chấp hành và tôn trọng pháp luật. Phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cũng như quan điểm đề xuất của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

[5] Về trách nhiệm dân sự; Nghĩa vụ hoàn trả:

- Trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Văn N đã nhận lại tài sản, tự nguyện không yêu cầu bồi thường. HĐXX không giải quyết.

- Nghĩa vụ hoàn trả: Các bị cáo được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật số tiền 8.800.000 đồng. Anh Đ không biết tài sản là do các bị cáo phạm tội mà có và có yêu cầu hoàn trả nên các bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tương ứng số tiền các bị cáo được nhận. Riêng bị cáo L, Q được trừ vào số tiền đã tự nguyện trả và nộp tại Cơ quan điều tra.

[6] Xử lý vật chứng: 01 xe máy nhãn hiệu Wave biển kiểm soát 98Y5-45xx các bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện tội phạm, quá trình điều tra xác định của anh Phạm Khắc D, anh D không biết các bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện tội phạm, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh D là đúng pháp luật; 01 điện thoại nhãn hiệu oppo A33fw; 01 điện thoại oppo Reno4 là của các bị cáo H, L; các bị cáo thừa nhận là phương tiện liên lạc trong khi thực hiện hành vi trộm cắp, cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo L tự

nguyên giao nộp để khắc phục hậu quả, đây là tiền được ăn chia sau khi bán được tài sản trộm cắp, cần trả cho anh Đ. Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS MAX màu trắng thu giữ của Q, quá trình điều tra xác định là tài sản của chị N1 (vợ Q), chị N1 không biết Q sử dụng làm công cụ liên quan đến tội phạm, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị N là phù hợp pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là lao động tự do, công việc và thu nhập không ổn định. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Danh H.**

- Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; 38; 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Lê Xuân L.**

- Khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; 38; 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Viết Q.**

- Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Phạm Văn T.**

Các Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 357; 468; 580; 582; 583 của Bộ luật dân sự; Luật án phí, lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

[1]. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Danh H; Lê Xuân L; Nguyễn Viết Q; Phạm Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[2]. Xử phạt:

1. Bị cáo Nguyễn Danh H 15(*Mười lăm*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 18/01/2022

2. Bị cáo Lê Xuân L 12(*Mười hai*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 18/01/2022

3. Bị cáo Nguyễn Viết Q 16(*Mười sáu*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/01/2022

4. Bị cáo Phạm Văn T 10(*Mười*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/4/2022. Giao bị cáo Phạm Văn T cho UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời

gian thử thách. Gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

*Trường hợp bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

[3] Về nghĩa vụ hoàn trả: Buộc các bị cáo Nguyễn Danh H; Lê Xuân L; Nguyễn Viết Q; Phạm Văn T phải hoàn trả anh Nguyễn Quang Đ số tiền 8.800.000<sup>d</sup>. Cụ thể bị cáo H phải hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng; bị cáo Quang phải hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng được trừ số tiền 2.200.000 đồng bị cáo đã tự nguyện trả trước xét xử, bị cáo còn phải trả số tiền 800.000 đồng ; cáo L phải trả số tiền 1.500.000 đồng; được trừ số tiền 1.000.000 đồng bị cáo tự nguyện giao nộp tại cơ quan điều tra, bị cáo L còn phải trả số tiền 500.000 đồng; bị cáo T phải trả số tiền 1.300.000 đồng.

*Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

[4]. Vật chứng: 01 phong bì thư dán kín, dán giấy niêm phong bên trong có số tiền 1.000.000 đồng , trả cho anh Nguyễn Quang Đ để đổi trừ một phần nghĩa vụ hoàn trả của bị cáo L. Tịch thu sung quỹ nhà nước 02 điện thoại (*theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/4/2022*)

[5]. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Danh H; Lê Xuân L; Nguyễn Viết Q; Phạm Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000<sup>d</sup> (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/4/2022; bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án và phần có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**  
- VKSND tỉnh Hải Dương

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



- VKSND huyện Thanh Hà;
- Công an huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- CQ THAHS - Công an tỉnh Hải Dương
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ vụ án

**NGUYỄN THỊ THU HOÀI**